TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 144/2019/DS-ST
Ngày: 07-6-2019
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Hoàng Yến**.

Các Hội thẩm nhân nhân dân:

1. Ông **Võ Văn Dũng**;

2.Ông **Dương Văn Trí**;

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Nguyễn Văn Đông** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Hà –** Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 341/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân Hàng TMCP S G T T (S);**

Địa chỉ: 266 -268 N K K N, Phường 8, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện cho Ngân hàng TMCP S G T T: Ông **Nguyễn Văn G** – Giám đốc Ngân hàng TMCP S G T T – Chi nhánh Tiền Giang;

Địa chỉ: Số 6, Đ B L, Phường 2, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

(Theo giấy ủy quyền số 3907/2017/GUQ-PL và 4034/2018/ GUQ-PL ngày 10/12/2018 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP S G T T).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn G: Anh **Lê Huỳnh Trung N –** Chuyên viên quản lý nợ.

(Theo giấy ủy quyền ngày 06/6/2019 của Giám đốc Ngân hàng TMCP S G T T – Chi nhánh Tiền Giang).

Địa chỉ: Số 6 Đ B L, Phường 2, Mỹ Tho, Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Trần Thanh T**, sinh năm 1978 (Vắng mặt);

Cư trú tại: Ấp 5, xã T H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Ngân hàng TMCP S G T T và quá trình giải quyết vụ án anh Lê Huỳnh Trung N là người đại diện theo ủy quyền của Giám đốc S - Chi nhánh Tiền Giang trình bày:*

Ngày 25/4/2014, S-Chi nhánh Tiền Giang với anh Trần Thanh T ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng, Loại thẻ MasterCard, lãi suất trong hạn 2.15%/tháng, thời gian áp dụng từ ngày phát hành đến khi tất toán thẻ, lãi suất quá hạn được tính bằng 150% lãi suất trong hạn, kỳ trả nợ ngày 5 hàng tháng, số tiền thanh toán tối thiểu là 5% dư nợ cuối kỳ và hạn mức sử dụng cấp cho anh T số tiền 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng anh T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 71.849.610 đồng, tiền lãi 7.819.583 đồng, tiền phí là 2.753.414 đồng. Tính đến ngày 05/12/2016 anh T đã thanh toán cho S tổng cộng 69.217.110 đồng, từ đó đến nay anh T ngưng không thanh toán cho S. Do đó anh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của S nên ngày 05/12/2016 S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của S do không thanh toán số tiền tối thiểu là 5% dư nợ cuối kỳ. Từ ngày ngày 05/12/2016, toàn bộ dư nợ được chuyển sang nợ quá hạn, tiền lãi quá hạn được tính trên số dư nợ đã chuyển tạm tính đến ngày 05/12/2016 là 13.205.497 đồng. Đến ngày 19/10/2017, anh T còn nợ S dư nợ quá hạn 13.205.497 đồng, lãi quá hạn 4.514.328 đồng. Tính đến ngày xét xử thì tổng số tiền anh T nợ gốc 13.205.497 đồng, lãi quá hạn 12.975.144 đồng, tổng cộng 26.180.641 đồng. Vì vậy S yêu cầu anh T trả cho S số tiền tính đến ngày xét xử bao gồm nợ gốc và lãi quá hạn là 26.180.641 đồng, trả khi án có hiệu lực. Sau ngày này, anh T chậm thanh toán còn phải trả thêm tiền lãi và lãi chậm trả của Hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

*Đối với bị đơn Trần Thanh T từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng đương sự không gửi văn bản nêu ý kiến của mình và vắng mặt không rõ lý do.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký tòa án và người tham gia tố tụng tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung theo lập luận nêu tại bài

phát biểu. Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của S về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" với Trần Thanh T thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

[2] Tại phiên tòa, anh Trần Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của S yêu cầu anh T trả tiền nợ gốc và lãi quá hạn: Qua lời trình bày của anh N là người đại diện của S tại phiên tòa. Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/4/2014 bao gồm Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín có nội dung, bên được cấp sử dụng thẻ tín dụng là anh T nên có sở xác định S – Chí nhánh Tiền Giang và anh T có giao kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng hình thức là vay tiền và anh T sử dụng thẻ MasterCard với hạn mức sử dụng cấp cho ông Trung là số tiền 20.000.000 đồng để sử dụng, hợp đồng sử dụng thẻ tín chấp không có tài sản bảo đảm. Theo bảng tóm tắt sao kê ngày 7/6/2019 của S, anh T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 71.849.610 đồng, tiền lãi 7.819.583 đồng, tiền phí là 2.753.414 đồng và tính đến ngày 5/12/2016 anh T đã thanh toán cho S tổng cộng 69.217.110 đồng, còn nợ lại cuối kì 13.205.497 đồng và không thanh toán số tiền tối thiểu là 5% dư nợ cuối kỳ là vi phạm hợp đồng về thời gian trả gốc và lãi tại Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của S. Vì vậy ngày 5/12/2016 S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của S với lãi suất trong hạn 2.15%/tháng, thời gian áp dụng từ ngày phát hành đến khi tất toán thẻ, lãi suất quá hạn được tính bằng 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với lãi suất trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng được quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Do khi thực hiện Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nêu trên, anh T vi phạm thỏa thuận về thời gian trả gốc và lãi nên S kiện yêu cầu anh T trả nợ gốc và tiền lãi là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó buộc anh T có nghĩa vụ trả cho S tính đến ngày xét xử là 26.180.641 đồng, trong đó nợ gốc 13.205.497 đồng và tiền lãi quá hạn 12.975.144 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 443.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm với mức

5% của số tiền 26.180.641 đồng nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận nên phải nộp 1.309.032 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của Ngân hàng TMCP S G T T.

1.Buộc anh Trần Thanh T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S G T T số tiền 26.180.641 (Hai mươi sáu triệu một trăm tám mươi ngàn sáu trăm bốn mươi mốt) đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.Về án phí: Anh T phải chịu án phí sơ thẩm là 1.309.032 đồng. Ngân Hàng TMCP S G T T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 443.000 (Bốn trăm bốn mươi ba ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 26661 ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án được giao hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh TG;
-VKSND HCT, TG;
-Chi cục THADS HCT,TG;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu.

ĐÃ KÝ

Nguyễn Hoàng Yến